TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 01 - 2021
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên

2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 846/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Quan Minh N, sinh năm 1985

Địa chỉ: 87 đường B, Phường B, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Bà Trương Khánh N, Sinh năm 1994

Địa chỉ: 131 đường C, Phường S, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 18/8/2020 cùng lời trình bày tại bản tự khai ngày 19/10/2020 của nguyên đơn - ông Quan Minh N, thì ông và bà N tự nguyện kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 154, Quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường S, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/12/2015. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Quan Ngọc Bảo N, sinh ngày 27/6/2017. Khi ly hôn ông để bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tự khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà N không đến để tự khai, hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Bị đơn - bà Trương Khánh N vắng mặt.

Nguyên đơn - ông Quan Minh N trình bày: Ông và bà N tự nguyện kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 154, Quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân Phường S, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/12/2015. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Quan Ngọc Bảo N, sinh ngày 27/6/2017. Khi ly hôn ông để bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con. Khi nào bà N yêu cầu cấp dưỡng thì ông sẽ xem xét và cấp dưỡng nuôi con sau.

Lý do ông để bà N trực tiếp nuôi con vì hiện nay trẻ Bảo N còn nhỏ, nên cần phải có sự chăm sóc của bà N.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện ngày 18/8/2020 của ông Quan Minh N; Xác nhận nơi cư trú của Công an Phường S, quận Tân Bình, theo đơn xin xác nhận của ông Quan Minh N, thể hiện bà Trương Khánh N cư trú tại địa chỉ: 131 đường C, Phường S, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tiến hành niêm yết cho bà N: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất ngày 05/01/2021, lần thứ hai ngày 26/01/2021, nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 154, Quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân Phường S, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/12/2015 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nhật và bà N là hợp pháp. Nay ông Nhật yêu cầu ly hôn với bà N vì quá trình chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong đơn xin ly hôn và tại phiên Tòa, ông Nhật vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bà N, vì không thể hàn gắn. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, bà N không đến Tòa án để tự khai, hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc ông Nhật xin ly hôn. Xét lời trình bày của ông Nhật là được ly hôn với bà N, do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Tại phiên tòa ông Nhật vẫn cương

quyết yêu cầu được ly hôn với bà N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nhật là được ly hôn với bà N.

[4] Về con chung: Theo lời trình bày của ông Nhật và bản sao giấy khai sinh của con chung do ông Nhật cung cấp cho Tòa án, thì quá trình chung sống ông Nhật và bà N có con chung là trẻ Quan Ngọc Bảo N, sinh ngày 27/6/2017 hiện đang ở với bà N. Nay ông Nhật giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, theo lời trình bày của ông Nhật thì hiện nay trẻ Bảo N đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa, trẻ Bảo N còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do đó, việc giao trẻ Bảo N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, nên nghi nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, không có yêu cầu của bà N về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời trình bày của ông Nhật thì quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nhật phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227; các điều 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 2, 6, 7, 9, 26, 30, 31 và 32 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Quan Minh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Quan Minh N được ly hôn với bà Trương Khánh N.

- Về con chung: Bà Trương Khánh N được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Quan Ngọc Bảo N, sinh ngày 27/6/2017. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nhật, do không có yêu cầu của bà N.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu tới việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì

người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Quan Minh N khai không có.

2. Về án phí: Ông Quan Minh N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Nhật đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0068431 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND Quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ .

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tiến Quang